

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Tổ chức và quản lý giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **DƯƠNG HỮU TUYẾN**

2. Ngày tháng năm sinh: 17/12/1980; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 303A2, TT ĐHGTVT, Ngõ 99 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bộ môn Kinh tế Bưu chính viễn thông, Phòng 503 nhà A9, Trường Đại học Giao thông vận tải, Số 03 phố Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0909 828668; E-mail: dhtuyen@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/2003 đến 6/2005: Trợ giảng - Bộ môn Kinh tế Bưu chính viễn thông, Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 7/2005 đến 01/2020: Giảng viên - Bộ môn Kinh tế Bưu chính viễn thông, Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 02/2020 đến nay: Giảng viên chính - Bộ môn Kinh tế Bưu chính viễn thông, Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 10/2006 đến 10/2009: học viên thạc sĩ, Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 10/2011 đến 10/2014: nghiên cứu sinh tiến sĩ, Trường Đại học Aix – Marseille, Cộng hòa Pháp.

Từ 12/2019 đến nay: Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Chức vụ hiện nay:

- Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Giảng viên chính, Bộ môn Kinh tế Bưu chính Viễn thông, Khoa Vận tải - Kinh tế;

Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: Số 03 phố Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84.4) 3 766 33 11

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 05 tháng 06 năm 2003; số văn bằng: B472429, ngành: Kinh tế Bưu chính viễn thông, chuyên ngành: Kinh tế Bưu chính viễn thông;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng thạc sĩ ngày 13 tháng 05 năm 2010; số văn bằng: 007612; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông;

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày 20 tháng 10 năm 2014; số văn bằng: UAM10766450 / 2014201301139; ngành: Khoa học quản lý; chuyên ngành:;

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Aix-Marseille, Cộng hòa Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng ... năm ... , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Giao thông vận tải**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành: **Giao thông vận tải**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

HNC1: Hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

HNC2: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bưu chính viễn thông vào công tác tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 10 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Bộ, 04 đề tài NCKH cấp Cơ sở (trong đó: chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ và 03 đề tài NCKH cấp Cơ sở);
- Đã công bố 25 bài báo khoa học, trong đó: là tác giả chính của 03 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín (03 bài báo thuộc Scopus); là tác giả chính của 03 bài báo trên các tạp chí quốc tế khác; 18 bài báo trên các tạp chí trong nước (trong đó là tác giả chính của 13 bài); là tác giả chính của 01 bài báo trong kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc tế có phản biện;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02 cuốn sách phục vụ đào tạo, gồm 01 giáo trình phục vụ đào tạo đại học chuyên ngành Kinh tế bưu chính viễn thông tại Trường Đại học Giao thông vận tải do Nhà xuất bản Giao thông vận tải phát hành; 01 sách tham khảo phục vụ đào tạo đại học chuyên ngành Quản trị logistics tại Trường Đại học Giao thông vận tải do Nhà xuất bản Trường Đại học Aix - Marseille, Cộng hòa Pháp phát hành;
- Hiện là hướng dẫn phụ cho 01 nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ ngành Tổ chức và quản lý vận tải.
- Hiện ứng viên đang tham gia Nhiệm vụ thành phần “Nghiên cứu và xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam: Tập Giao thông, Vận tải”, thuộc Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt cấp quốc gia “Xây dựng bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam” với vai trò là thành viên chính.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học các năm học 2015 - 2016, 2017 - 2018, 2018-2019;
- Chiến sỹ thi đua cơ sở năm học 2016 – 2017 và 2019-2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không bị kỷ luật.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: đảm bảo tiêu chuẩn, hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà giáo trong các công tác: giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tế.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 12 năm 10 tháng (tính từ 7/2005 đến nay), trừ đi 03 năm đi học nghiên cứu sinh tiến sĩ tại nước ngoài (từ 10/2011 đến 10/2014).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	-	-	-	10	306	45	351/601.88/230
2	2016-2017	-	-	2	13	254	45	369/808.73/263
3	2017-2018	-	-	3	19	333	45	342/657.39/196
03 năm học cuối								
4	2018-2019	-	-	5	17	396	270	666/1106.2/263
5	2019-2020	-	-	3 (Đang HD)	9	315	180	495/904.23/81
6	2020-2021	-	1 (Đang HD)	14 (Đang HD)	9	362	90	452/1261.99/81

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Pháp và Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Hong Nhung		x	x		4/2017 – 9/2017	ĐH GTVT	24/4/2018
2	Nguyễn Minh Phúc		x	x		4/2017 – 9/2017	ĐH GTVT	24/4/2018
3	Đỗ Thị Bảo Châu		x	x		11/2017 – 4/2018	ĐH GTVT	17/6/2019
4	Hàn Duy Phong		x	x		11/2017 – 4/2018	ĐH GTVT	16/12/2019
5	Nguyễn Quỳnh Trang		x	x		11/2017 – 4/2018	ĐH GTVT	16/12/2019
6	Nguyễn Duy Thanh		x	x		9/2018 – 3/2019	ĐH GTVT	16/12/2019
7	Ngô Quốc Huy		x	x		9/2018 – 3/2019	ĐH GTVT	16/12/2019
8	Hoàng Thị Thu		x	x		5/2019 - 11/2019	ĐH GTVT	16/12/2019
9	Trương Thái Bình		x	x		5/2019 - 11/2019	ĐH GTVT	16/12/2019
10	Huỳnh Thành Đạt		x	x		5/2019 - 11/2019	ĐH GTVT	16/12/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ						
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ (nhận bằng tiến sĩ vào tháng 10/2014)						
1	Images de la logistique - Éclairages managériaux et sociétaux ISBN: 978-2-7314-1068-6	TK	NXB ĐH Aix – Marseille, CH Pháp, 2017	37		Chương 27 (233 – 242)	Giấy chứng nhận sử dụng tài liệu tham khảo ngày 4/6/2021
2	Kinh tế Bưu chính viễn thông ISBN: 978-604-76-1633-6	GT	NXB GTVT, 2018	4		Chương 2 (17 – 38) Chương 4 (57 – 74)	Biên bản nghiệm thu giáo trình ngày 16/5/2018

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT..)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ				
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ (nhận bằng tiến sĩ vào tháng 10/2014)				
1	Đề xuất mô hình đánh giá tác động của các nguồn lực đến kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp Bưu chính Việt Nam	CN	T2016-VTKT-06 Cấp Trường ĐHGTVT	Năm 2016	16/12/2016 - Tốt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT..)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ internet của khách hàng cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn Hà Nội	CN	T2018-KT-004, Cấp Trường ĐHGTVT	Năm 2018	22/11/2018 - Tốt
3	Nghiên cứu phát triển đường thủy nội địa trên các sông chính và các cửa sông thuộc tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình để phục vụ logistics	Thành viên chủ chốt	DT184067, Cấp Bộ GTVT	Năm 2018	28/12/2018 - Đạt
4	Nghiên cứu các giải pháp phát triển hệ thống các trung tâm logistics tại Thành phố Cần Thơ và vùng phụ cận	CN	DT194004, Cấp Bộ GTVT	Năm 2019	24/02/2020 - Đạt
5	Giải pháp phát triển dịch vụ logistics tại Tổng công ty bưu điện Việt Nam (VNPost)	TK	T2019-KT-001, Cấp Trường ĐHGTVT	Năm 2019	25/12/2019 - Tốt
6	Chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Hà Nội	CN	T2020-KT-001, Cấp Trường ĐHGTVT	Năm 2020	7/12/2020 - Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ (nhận bằng tiến sĩ vào tháng 10/2014)							
1	Giải pháp thúc đẩy sự trung thành của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859-2724			Số 32, 97-100	11/2010
2	Nghiên cứu thực trạng đạo đức kinh doanh trong bưu chính viễn thông	3	Tham gia	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859-2724			Số 32, 101-109	11/2010
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ (nhận bằng tiến sĩ vào tháng 10/2014)							
3	Le partage et la coordination des ressources logistiques entre industriels et PSL (prestataires de services logistiques) améliorent-ils la performance logistique perçue par l'industriel ? (Does logistical resources sharing and coordination between manufacturers and LSPs in crease the logistical performance as	2	Tác giả chính	Les Cahiers Scientifiques du Transport ISSN 1150-8809	Q4 IF 0.11	01	No.66, 3-37	12/2014

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	perceived by the manufacturer?) https://afitl.msh-lse.fr/tl_files/documents/CST/N66/Pach%C3%A966.pdf							
4	Théorie des ressources appliquée à la logistique: Une identification de cinq dimensions clés. (Resource-based view applied to logistics: An identification of five key dimensions) https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/12507970.2015.11673824	2	Tác giả chính	Logistique & Management Print ISSN: 1250-7970 Online ISSN 2377-9640 https://doi.org/10.1080/12507970.2015.11673824		8	Vol. 23, No.2, 55-72	1/2015 published online 2/2016
5	Capacité d'innovation du prestataire de services logistiques et performance logistique perçue par l'industriel: quelle relation dans le contexte vietnamien? Innovation Capacity of Logistics Service Providers and	2	Tác giả chính	Innovations ISSN 1267- 4982 https://doi.org/10.3917/inno.047.0137	SCOPUS Q3 IF: 0.22	5	No. 47, 137-164	5/2015 published online 5/2015

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Logistics Performance Perceived by the Manufacturer: What are the Links in the Vietnamese Context? https://www.cairn.info/revue-innovations-2015-2-page-137.htm							
6	Effets perçus de l'intégration relationnelle entre fournisseur et client : le cas de la prestation logistique au Vietnam (Perceived effects of relational integration between supplier and buyer: the case of logistical services in Vietnam) https://journals.openedition.org/fcs/1705	2	Tác giả chính	Finance Contrôle Stratégie ISSN: 2261- 5512 https://doi.org/10.4000/fcs.1705		3	Vol.18, No.4, 25-47	12/2015 published online 15/1/2016
7	Xây dựng mô hình nghiên cứu mối quan hệ giữa việc kết hợp nguồn lực và chia sẻ thông tin	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN: 1859- 2724			Số 49, 74-79	12/2015

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	trong chuỗi cung ứng dịch vụ tích hợp giữa doanh nghiệp sử dụng dịch vụ logistics và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics tại Việt Nam							
8	How informational integration can improve the relationship between buyer and supplier of logistical services: Empirical evidence from Vietnam. https://clutejournals.com/index.php/JABR/article/view/9542	2	Tác giả chính	Journal of Applied Business Research ISSN: 0892- 7626 https://doi.org/10.19030/jabr.v32i1.9542	SCOPUS Q4 IF: 0.15	4	Vol. 32 No. 1, 341-354	1-2/2016
9	Mối quan hệ giữa khả năng đổi mới và hiệu suất logistics của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics tại Việt Nam	1	Tác giả chính	Hội thảo khoa học quốc tế Những tư tưởng kinh tế, quản trị hiện đại và khả năng vận dụng khi Việt Nam tham gia AEC và TPP ISBN 978-604- 73-4626-4			Tháng 9/2016, 848-859	9/2016
10	Nghiên cứu tác động của các nguồn lực đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bưu chính	2	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN: 1859- 2724			Số 54, 14-19	10/2016

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11	Phát triển thương hiệu của doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông - Trường hợp của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP	2	Tham gia	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 3/2017, 115-118	3/2017
12	Supply Chain Practices in Asian Emerging Countries: A Measurement Tool of Relational Dimensions https://transitionacademiapress.org/jtsr/article/view/176	2	Tác giả chính	Transition Studies Review E-ISSN: 1614-4007 ISSN: 1614-4015 https://doi.org/10.14665/1614-4007-24-1-002	SCOPUS Q3 IF: 0.24		Vol. 24, n° 1, 15-29	9/2017
13	Khả năng đổi mới chất lượng dịch vụ trong mối quan hệ với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp logistics	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859-2724			Số 60, 48-54	10/2017
14	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ Internet của khách hàng cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN 1859-2724			Số 65, 18-25	8/2018

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15	Tích hợp thông tin và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics trong chuỗi cung ứng - trong trường hợp mối quan hệ giữa doanh nghiệp 3PL và khách hàng	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 9/2018, 116-118	9/2018
16	Mối quan hệ của quản lý rủi ro với hiệu suất quản lý rủi ro của doanh nghiệp logistics	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 4/2019, 169-172	4/2019
17	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự căng thẳng trong công việc của nhân viên tại các văn phòng của doanh nghiệp giao nhận, vận tải trên địa bàn Hà Nội	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 5/2019, 169-172	5/2019
18	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của các Trung tâm logistics tại thành phố Cần Thơ và vùng phụ cận	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 9/2019, 151-154	9/2019
19	Tích hợp hệ thống thông tin và mối quan hệ trong sự tác động đến sự hài lòng khách hàng của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics tại Việt Nam	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 10/2019, 145-148	10/2019

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
20	Định hướng thị trường, khả năng marketing và hiệu suất marketing của doanh nghiệp dịch vụ logistics	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 12/2019, 136-138	12/2019
21	Nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng của doanh nghiệp dịch vụ logistics và hiệu suất logistics	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 1+2/2020, 87-90	1+2/2020
22	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên mới tốt nghiệp khoa Vận tải Kinh tế - Trường Đại học Giao thông vận tải	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 5/2020, 128-132	5/2020
23	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục sử dụng dịch vụ của thuê bao di động trả trước trong điều kiện được phép chuyển mạng giữ nguyên số	1	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 6/2020, 139-142	6/2020
24	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tại các trung tâm dịch vụ khách hàng của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn Hà Nội	2	Tác giả chính	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tháng 11/2020, 121-124	11/2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
25	Giải pháp tăng cường khả năng kết nối của hệ thống trung tâm logistics tại Thành phố Cần Thơ	2	Tham gia	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354- 0818			Tháng 11/2020, 134-137	11/2020

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **03 bài**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế	Thư ký hội đồng	Quyết định số 999/QĐ – ĐHGTVT ngày 5/6/2017	ĐH GTVT	Quyết định số 4929/QĐ – BGDĐT ngày 22/11/2017	Đã thực hiện
2	Tham gia Ban xây dựng Đề án Chương trình liên kết đào tạo bậc Đại học – ngành Kinh doanh quốc tế	Tham gia	Quyết định số 1659/QĐ- ĐHGTVT ngày 13/8/2019	Bộ GDĐT	Quyết định số 2914/QĐ- BGDĐT ngày 06/10/2020	Đã thực hiện

3	Tham gia Ban xây dựng Đề án Chương trình đào tạo CLC ngành Quản trị kinh doanh	Tham gia	Quyết định số 1047/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/7/2020	ĐH GTVT	Quyết định số 435/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/3/2021	Đã thực hiện
4	Tham gia tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo theo nghị định 99/2019/NĐ – CP ngành Quản trị kinh doanh	Tham gia	Quyết định số 2105/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/12/2020	ĐH GTVT		Đang thực hiện
5	Tham gia tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế và quản lý đầu tư thuộc ngành Kinh tế	Tham gia	Quyết định số 905/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/5/2021	ĐH GTVT		Đang thực hiện

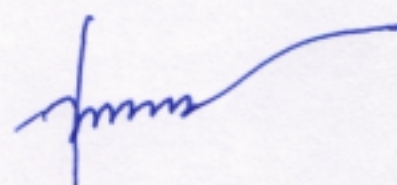
9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Dương Hữu Tuyển